

Bản án số: 23/2020/HC-ST

Ngày 25- 12- 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý Nhà nước về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Tâm
2. Bà Nguyễn Thu Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nhật Thư là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông
Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 36/2020/TLST- HC ngày 27 tháng
08 năm 2020 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về
đất đai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HC ngày 26
tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Trần Văn H – sinh năm 1952.
2. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1959.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1959,
văn bản ủy quyền ngày 18/12/2020 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện V, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đặng
Huỳnh Q –Văn phòng Luật sư Huỳnh Quốc thuộc Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt).

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 02, đường N, phường A, thành phố C, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C:

Ông Đỗ Quang H1 – sinh năm 1975, chức vụ Phó Giám đốc Phòng Tài
nguyên và Môi trường tỉnh C (có mặt)

Ông Lê Văn M – sinh năm 1974, chức vụ Phó Phòng Quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 69 đường P, khóm B, Phường S, thành phố C, tỉnh C.

2. Ủy ban nhân dân huyện V.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

Cùng địa chỉ: Khóm X, thị trấn V, huyện V, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V: Ông Trần Thanh D – sinh năm 1974, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, văn bản ủy quyền ngày 21/12/2020 (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V:

Ông Võ Thanh B – sinh năm 1968, chức vụ Trưởng phòng Phòng Tư pháp huyện V (vắng mặt).

Ông Hồ Song T – sinh năm 1979, chức vụ Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm X, thị trấn V, huyện V, tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn C – sinh năm 1981 (có mặt)

2. Anh Trần Văn Y – sinh năm 1986 (có mặt)

3. Chị Trần Hồng N – sinh năm 1984 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Y, chị N: Bà Nguyễn Thị L- sinh năm 1959, văn bản ủy quyền ngày 18/12/2020 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện V, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị L trình bày:* Gia đình ông H có tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng là 12.400,3m² tọa lạc tại ấp Kinh Hòn, xã K, huyện V đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 5,11,12 tờ bản đồ số 8. Ngày 21/8/2019 Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 5130/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án nâng cấp đê biển Tây (điều chỉnh) đoạn vòng qua Cống Đá Bạc thuộc địa bàn xã K, huyện V, tỉnh C. Cũng trong ngày 21/8/2019 Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND về thu hồi đất Dự án nâng cấp đê biển Tây tỉnh C (điều chỉnh) đoạn vòng qua Cống Đá Bạc. Quyết định này thu hồi đất của gia đình ông, bà loại đất trồng lúa với diện tích 2.922,9m² tại các thửa đất số 5,11,12 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Kinh Hòn, xã K, huyện V, tỉnh C. Kèm theo Quyết định thu hồi đất là bảng chiết tính tiền bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề với tổng số tiền là 384.176.770 đồng. Trong đó tiền bồi thường đất chỉ có 101.000 đồng/m², hỗ trợ chuyển đổi nghề 30.300 đồng/m². Trong khi đó hai hộ giáp ranh đất với ông, bà là: Ông Trần Văn Ngời và

ông Võ Quốc Phẩm được bồi thường là 388.000 đồng/m² chưa kể tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề. Còn 3 hộ khác là ông Nguyễn Văn Quýt, ông Nguyễn Văn Cheo và hộ bà Phạm Thị Màu được bồi thường 356.000 đồng/m², chưa kể tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề. Không đồng ý với mức giá bồi thường và hỗ trợ nên ông khiếu nại, ngày 02/01/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ra Quyết định số 01/QĐ – UBND giải quyết: Không chấp nhận khiếu nại của Ông Trần Văn H giữ nguyên Quyết định số 5130/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện V. Sau đó, ông khiếu nại Quyết định số 01/QĐ – UBND ngày 02/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đến Ủy ban nhân dân tỉnh C. Ngày 13/3/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ra Quyết định số 393/QĐ-UBND: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V. Quyết định 5130/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện V không có tổng đạt và không có triển khai cho ông, đến khi ông nhận quyết định giải quyết khiếu nại thì ông mới biết có Quyết định này. Việc Ủy ban nhân dân huyện V bồi thường, hỗ trợ đất của gia đình ông bị thu hồi là không thỏa đáng, thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh C giải quyết:

Hủy Quyết định số 393/QĐ-UBND, ngày 13/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C.

Hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

Hủy bảng chiết tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình ông, bà.

Yêu cầu giải quyết giá bồi thường đất bị thu hồi 300.000 đồng/m² và hỗ trợ chuyển đổi nghề 105.000 đồng/m².

- *Người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 24/9/2020 và trình bày:* Ngày 13/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Ông Trần Văn H (Lần 2). Qua rà soát lại toàn bộ hồ sơ và quá trình giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C nhận thấy việc ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND được áp dụng và ban hành đúng theo quy định của pháp luật.

- *Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V trình bày tại Công văn số 3360/UBND-VP ngày 22/9/2020 (BL 111):* Thực hiện Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng nâng cấp đê biển tây tỉnh C. Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tiến hành kiểm kê, đo đạc, lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án. Trong phạm vi công trình ảnh hưởng đến đất của ông Trần Văn H, Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 về việc thu hồi đất dự án nâng cấp đê Biển Tây tỉnh C, thu hồi diện tích 2.922,9m² đất trồng lúa của Ông Trần Văn H theo Quyết định số 5130/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án nâng cấp Đê Biển

Tây, đoạn vòng qua cống Đ, xã K, huyện V, tỉnh C. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông H là 384.176.770 đồng. Hội đồng bồi thường phối hợp với Chi nhánh trung tâm phát triển quỹ đất đã thông báo nhận tiền đến Ông Trần Văn H biết, ông H không thống nhất nhận tiền nhưng mặt bằng đất đã được ông H bàn giao thực hiện dự án. Ngày 06/9/2019, Ông Trần Văn H làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện. Ngày 02/01/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hùng, nội dung bác khiếu nại của ông H. Việc áp giá tính bồi thường về đất đối với ông H được Ủy ban nhân dân huyện V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 5130/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 là đúng đơn giá, phù hợp với vị trí thửa đất trong khu vực thực hiện dự án theo giá đất cụ thể tính bồi thường tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh C về phê duyệt giá đất cụ thể tính bồi thường giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp Đê Biển Tây, đoạn vòng qua cống Đá Bạch, xã K. Trong đó, phần đất của ông H bị ảnh hưởng có giá 101.000 đồng/m², vì vậy ông H yêu cầu giá bồi thường đất bị thu hồi là 300.000 đồng/m² và hỗ trợ chuyển đổi nghề 105.000 đồng/m² là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh C bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và bà L.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Văn C, anh Trần Văn Y, chị Trần Hồng N là con của bà L và ông H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông H và bà L.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện tranh luận cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện V ban hành bảng chiết tính về mức hỗ trợ bồi thường và chuyển đổi nghề cho ông H và bà L với mức thấp hơn các hộ liền kề đất của ông H nên ông H và bà L yêu cầu Tòa án hủy bảng chiết tính và hủy các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị L.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] *Về thẩm quyền xét xử vụ án:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

huyện V; Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C (Viết tắt là Quyết định số 01 và Quyết định số 393) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

[3] *Về quan hệ pháp luật*: Ông H yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 01 và Quyết định số 393 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại về bồi thường giá đất khi thu hồi đất. Do đó, quan hệ pháp luật là khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo quy định tại Điều 22 Luật Đất đai.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định. Ông H nhận được Quyết định số 01 ngày 10/01/2020, Quyết định số 393 nhận ngày 20/3/2020. Đến ngày 07/8/2020 ông H, bà L khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện của ông H, bà L vẫn còn.

[5] *Đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ của quyết định số khởi kiện*:

[5.1] *Về thẩm quyền ban hành*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số 01 và Quyết định số 393 về việc giải quyết khiếu nại của ông H là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 và Điều 22 Luật khiếu nại.

[5.2] *Về nội dung*:

Ông H và bà L yêu cầu hủy Quyết định số 01 và Quyết định số 393 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C với lý do các quyết định này không chấp nhận mức giá bồi thường, hỗ trợ đất của ông H và bà L khi Nhà nước thu hồi theo mức là 101.000 đồng/m² và mức giá hỗ trợ chuyển đổi nghề còn thấp.

Tại phiên tòa, bà L là người đại diện theo ủy quyền của ông H cho rằng đất của ông H và bà L phải được hỗ trợ với mức giá 300.000 đồng/m² mới phù hợp vì đất các hộ khác cũng cùng trên tuyến đường của ông H và bà L như hộ ông Nguyễn Văn Quýt, Nguyễn Văn Cheo và hộ bà Phạm Thị Màu được hưởng mức giá này.

Xét thấy, đối với quyết định thu hồi đất số 228/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 về thu hồi đất dự án nâng cấp đê biển Tây tỉnh C đối với ông H và bà L được ông H và bà L đồng ý, ông H và bà L chỉ có yêu cầu liên quan đến mức giá bồi thường và mức hỗ trợ chuyển đổi nghề. Theo bảng chiết tính, ông H và bà L cho rằng mức bồi thường và hỗ trợ thấp hơn các hộ lân cận nên ông H có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V không đồng ý với giá đất bồi thường là 101.000 đồng/m² mà phải bồi thường cho ông 300.000 đồng/m² (BL 62).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 01 giải quyết khiếu nại của ông H với nội dung không chấp nhận khiếu nại đối với yêu cầu bồi thường 300.000 đồng/m². Sau khi nhận được Quyết định số 01 ông H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C cũng nội dung không đồng ý mức bồi thường 101.000 đồng/m², yêu cầu bồi thường mức 300.000 đồng/m². Ủy ban

nhân dân tỉnh C tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết khiếu nại của ông H. Tuy nhiên, không có căn cứ để chấp nhận khiếu nại của ông H. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số 393 giữ nguyên Quyết định số 01 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

[5.3] Xét tại thời điểm thu hồi đất Ủy ban nhân dân huyện V đã căn cứ vào mức giá do Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 để tính giá đất là 101.000 đồng/m² và Ủy ban nhân dân tỉnh C cũng chứng minh được giá đất tại thời điểm bồi thường là đã khảo sát giá thị trường nên không có căn cứ bồi thường cho ông H là 300.000 đồng/m².

Đối với tranh luận của luật sư về việc chứng thư thẩm định giá đã không thực hiện đúng trình tự quy định tại Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06/3/2015 của Bộ Tài chính là điều tra phân đất trước khi thu hồi, khi điều tra thu thập thì các thu thập này đã không đúng vị trí tranh chấp và trong phiếu thu thập thông tin không có ký tên trong bảng người được thu thập thông tin. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C tranh luận khi tiến hành khảo sát thu thập thông tin không nhất thiết người điều tra thu thập thông tin phải ký tên nhằm để bảo mật thông tin và chứng thư thẩm định giá này cũng chưa phải là yếu tố để quyết định giá, sau khi có chứng thư thẩm định giá thì chứng thư thẩm định giá được thông qua hội đồng thẩm định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh C để ban hành quyết định giá để thu hồi đất.

Xét thấy, khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng đê Biển Tây Cà Mau thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh C, đã có yêu cầu Công ty Cổ phần Thẩm định – Giám định Cửu Long xác định giá đất cụ thể, xem xét quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất thì giá đất được áp dụng đúng theo quy định. Ông H yêu cầu xem xét giá của ông H phải được áp giá mức 300.000 đồng/m² mà không căn cứ vào quy định nào, ông H chỉ trình bày là đất của ông giáp đê ngăn mặn cũng tiếp giáp đường giao thông nên giá bồi thường phải cao. Tuy nhiên, ông H cũng xác định phần đất giáp đê ngăn mặn không bị thu hồi. Như vậy, căn cứ vào phần đất của ông H bị thu hồi không tiếp giáp tuyến đường giao thông nên Ủy ban nhân dân huyện V áp giá thu hồi là 101.000 đồng/m² là có cơ sở.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông H và bà L không được chấp nhận nên ông H và bà L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 393/QĐ-UBND, ngày 13/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại của Ông Trần Văn H (lần 2); Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại của Ông Trần Văn H và hủy bảng chiết tính về số tiền bồi thường, hỗ trợ đất của hộ ông H và bà L.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 21/8/2020 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 00000444 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh C được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan